

Unit 4: At home

- bat: gậy đánh bóng



- blanket: cái mền, cái chăn



- cage: cái lồng, cái chuồng



- helmet: nón bảo hiểm



- plant: cây cối



- shower: vòi sen



- towel: cái khăn



- toothbrush: bàn chải đánh răng



- toothpaste: kem đánh răng



- balcony: ban công



- basement: tầng hầm



- elevator / lift: thang máy



- roof: mái nhà



- laptop: máy tính xách tay



- stair(s): cầu thang



- upstairs: tầng trên



- downstairs: tầng dưới

- mirror: cái gương



- pillow: cái gối



- map of the world: bản đồ thế giới



- comic: truyện tranh

